

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH D

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HSST

Ngày: 15/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH D

- **Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Quốc Quý, ông Đào Đình Phúc.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hải Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/HSST-QĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Vũ Như C, sinh năm 1991; Nơi đăng ký thường trú: thôn Tr, xã N, huyện T, tỉnh D; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Bố đẻ: Vũ Như Thà; Mẹ đẻ: Phan Thị Hoàn; Vợ: Lê Thị Trang, sinh năm 1991;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; **Có mặt.**

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nhữ Văn H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: thôn S, xã Q, huyện T, tỉnh D; **Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.**

- Anh Vũ Văn H1, sinh năm 1994.

Địa chỉ: thôn S, xã Q, huyện T, tỉnh D; **Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.**

- Anh Cao Văn L, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh D; *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- Anh Bùi Công C1, sinh năm 2001.

Địa chỉ: thôn X, xã M, huyện T, tỉnh D; *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 30 phút ngày 09/07/2024 tại khu vực trước cổng Công ty LEOTECH Việt Nam, thuộc thôn Thúy Lâm, xã Đoàn Tùng, huyện T, tỉnh D, Vũ Như C đang có hành vi cho anh Bùi Công C1 - sinh năm 2001 ở thôn X, xã M, huyện T vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 7.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng là 6.300.000đồng/30 triệu/30 ngày), C thỏa thuận cắt lãi trước một tháng đối với anh C1 số tiền là 6.300.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong, C yêu cầu anh C1 viết giấy vay tiền rồi dùng tài khoản ngân hàng số 030078335919 của mình mở tại ngân hàng Sacombank chuyển khoản số tiền cho vay (đã được cắt lãi) là 23.700.000 đồng vào tài khoản số 030094484649 của anh C1 mở tại ngân hàng Sacombank thì bị lực lượng Công an huyện T đã kiểm tra, phát hiện, thu giữ tài liệu, đồ vật liên quan gồm: 01 chiếc bút bi màu xanh, 01 quyển vở ghi (bên trong không có nội dung), 01 giấy vay tiền, 01 chiếc điện thoại Iphone 12 màu xanh, bên trong gắn thẻ sim 0368.229.991.

Trong thời gian từ ngày 01/02/2024 đến ngày 09/7/2024, ngoài cho anh Bùi Công C1 vay như trên, Vũ Như C đã cho anh Nhữ Văn H - sinh năm 1993; Vũ Văn H1 - sinh năm 1994 đều ở thôn S, xã Q, huyện T, tỉnh D và anh Cao Văn L - sinh năm 2000 ở khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh D vay tiền với lãi suất trái với quy định của pháp luật nhằm mục đích kiếm lời, đồng thời C tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra các giấy vay tiền của Nhữ Văn H, Vũ Văn H1, Cao Văn L và giao nộp giấy phép lái xe hạng B2 của anh H, Căn cước công dân của anh L. Cụ thể như sau:

* Ngày 01/02/2024, tại nhà anh Nhữ Văn H ở thôn S, xã Q, huyện T, Vũ Như C cho anh H vay số tiền 50 triệu đồng, lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng là 4.500.000đồng/50 triệu/30 ngày), anh H viết giấy vay tiền (không ghi lãi suất) đưa cho C đồng thời tự đưa Giấy phép lái xe ô tô hạng B2 của mình số 270224038974 do Sở GTVT tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 08/11/2022 để C giữ làm tin. Sau đó, C dùng tài khoản của mình mở tại ngân hàng Sacombank số

030078335919 chuyển khoản số tiền cho vay là 50 triệu đồng vào tài khoản số 19035068941015 của anh H mở tại ngân hàng Techcombank.

Đến ngày 06/02/2024, anh H tiếp tục liên hệ và vay C số tiền 20 triệu đồng, C đồng ý và thoả thuận lãi suất với anh H mức như trước là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng là 1.800.000đồng/20 triệu/30 ngày), C viết giấy vay tiền (không ghi lãi suất) sau đó đưa cho anh H ký tên. Sau đó, C dùng tài khoản ngân hàng Sacombank số 030078335919 chuyển khoản số tiền cho vay là 20 triệu đồng vào tài khoản số 19035068941015 của anh H.

Tính đến ngày 09/7/2024, tổng số ngày vay của khoản vay thứ nhất (ngày 01/02/2024) là 160 ngày, khoản vay thứ hai (06/02/2024) là 155 ngày, anh H đã trả tiền lãi cho C như sau:

- Kỳ lãi tháng 3: Ngày 03/3/2024, anh H đóng lãi 4.500.000 đồng của khoản vay thứ nhất; ngày 06/3/2024, anh H đóng lãi cho khoản vay thứ hai là 1.500.000 đồng, thiếu 300.000 đồng. Tất cả đều được anh H chuyển khoản bằng tài khoản ngân hàng của mình số 19035068941015 vào tài khoản số 11023686868 của C mở tại ngân hàng Sacombank.

- Kỳ lãi tháng 4: Ngày 01/4/2024 anh H đóng lãi 4.800.000 đồng gồm lãi của khoản vay thứ nhất là 4.500.000 đồng, cộng thêm nợ lãi kỳ tháng 3 là 300.000 đồng, thực hiện chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng Sacombank của C số 11023686868. Sau đó vài ngày (không rõ thời gian cụ thể) đến kỳ lãi của khoản vay thứ 2, anh H đã đóng lãi bằng tiền mặt cho C đủ 1.800.000 đồng.

- Kỳ lãi tháng 5: Ngày 04/5/2024, anh H đóng lãi của khoản vay thứ nhất là 4.500.000 đồng; ngày 06/5/2024, anh H đóng lãi của khoản vay thứ hai là 1.800.000 đồng. Tất cả đều được anh H chuyển khoản bằng tài khoản ngân hàng Techcombank của H số 19035068941015 vào tài khoản ngân hàng Sacombank của C số 11023686868.

- Kỳ lãi tháng 6: Ngày 03/6/2024, anh H đóng lãi của khoản vay thứ nhất là 4.400.000 đồng, thiếu 100.000 đồng, thực hiện chuyển khoản vào tài khoản Sacombank của C số 11023686868. Sau đó vài ngày (không rõ thời gian cụ thể), anh H đóng lãi của khoản vay thứ hai là 1.800.000 triệu đồng bằng cách đưa tiền mặt cho C.

- Kỳ lãi tháng 7: Ngày 03/7/2024, anh H đóng lãi của khoản vay thứ nhất là 3.000.000 đồng, thiếu 1.500.000 đồng và vẫn nợ 100.000 đồng của kỳ lãi tháng 6; ngày 08/7/2024, anh H chuyển khoản cho C 3.100.000 đồng, trừ nợ lãi của khoản vay thứ nhất là 1.600.000 đồng, còn 1.500.000 đồng tính cho lãi của

khoản vay thứ 2 thì vẫn thiếu 300.000 đồng. Tất cả đều được anh H chuyển khoản bằng tài khoản ngân hàng Techcombank của mình số 19035068941015 vào tài khoản ngân hàng Sacombank của C số 11023686868.

Như vậy, tính đến ngày 09/7/2024, anh H đã đóng lãi cho Vũ Như C được tổng số tiền **31.200.000 đồng**, chưa trả tiền gốc.

* Ngày 17/02/2024, tại nhà anh Vũ Văn H1 ở thôn S, xã Q, huyện T, tỉnh D, Vũ Như C cho anh H1 vay số tiền 30 triệu đồng, lãi suất thoả thuận là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng là 2.700.000đồng/30 triệu/30 ngày), anh H1 viết giấy vay tiền (không ghi rõ lãi suất) đưa cho C. Sau đó, C sử dụng tài khoản ngân hàng Sacombank số 11023686868 để chuyển khoản số tiền cho vay là 30 triệu đồng vào tài khoản ngân hàng Techcombank của anh H1 số 19071787247011.

Tính đến ngày 09/7/2024, tổng số ngày vay của anh H1 là 144 ngày, anh H1 đã trả tiền lãi cho C như sau:

- Kỳ lãi tháng 3: Ngày 15/3/2024, do anh H1 không có đủ tiền nên chỉ trả được 900.000 đồng tiền lãi bằng cách chuyển khoản vào tài khoản Sacombank của C số 11023686868. Đến ngày 18/3/2024, anh H1 tiếp tục chuyển khoản số tiền 1.800.000 đồng vào tài khoản số 11023686868 của C. Như vậy kỳ lãi tháng 3 anh H1 đã đóng đủ cho C số tiền 2.700.000 đồng.

- Kỳ lãi tháng 4: Do anh H1 không có tiền nên không đóng tiền lãi đúng hạn. Đến ngày 01/5/2024, anh H1 đóng được 2.000.000 đồng tiền lãi bằng cách chuyển khoản vào số tài khoản 11023686868 của C, vẫn thiếu của kỳ lãi tháng 4 là 700.000 đồng.

- Kỳ lãi tháng 5: Ngày 17/5/2024, anh H1 chuyển khoản cho C vào số tài khoản 11023686868 số tiền 1.300.000 đồng, trừ đi số tiền 700.000 đồng nợ tiền lãi tháng trước nên anh H1 mới đóng được 600.000 đồng tiền lãi của kỳ tháng 5, thiếu 2.100.000 đồng tiền lãi của kỳ tháng này.

- Kỳ lãi tháng 6, tháng 7 do anh H1 không có tiền nên chưa đóng tiền lãi cho C.

Như vậy tính đến ngày 09/7/2024, anh H1 đã đóng lãi cho C số tiền **6.000.000 đồng**, chưa trả tiền gốc.

* Ngày 17/02/2024, tại thị trấn T, huyện T, Vũ Như C cho anh Cao Văn L vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng là 2.700.000 đồng/30 triệu/30 ngày), thỏa thuận cắt lãi trước 30 ngày là

2.700.000 đồng, anh L đưa Căn cước công dân của mình cho C giữ để làm tin. Sau đó C dùng tài khoản ngân hàng Sacombank số 11023686868 chuyển khoản số tiền cho vay đã được cắt lãi còn 27.300.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Sacombank của anh L số 030066286777. Đến ngày 07/5/2024, anh L tiếp tục liên hệ với C vay số tiền 20.000.000 đồng, mức lãi suất như trước là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng là 1.800.000 đồng/20 triệu/30 ngày), hai bên vẫn thỏa thuận cắt lãi trước 30 ngày như lần trước. Sau đó C dùng tài khoản ngân hàng Sacombank số 030078335919 để chuyển số tiền cho vay đã được cắt lãi là 18.200.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Sacombank của anh L số 030066286777. Cả hai lần cho vay trên đều diễn ra tại thị trấn T, các lần vay tiền anh L đều viết giấy vay tiền (không ghi lãi suất) và đưa cho C giữ.

Tính đến ngày 09/7/2024, anh L đã thanh toán tiền lãi của khoản vay thứ nhất (ngày 17/02/2024) là 150 ngày, thanh toán tiền lãi của khoản vay thứ hai (ngày 07/5/2024) là 90 ngày, anh L đã trả tiền lãi cho C như sau:

- Kỳ lãi tháng 3: Do C đã cắt lãi trước đối với khoản vay thứ nhất nên kỳ lãi tháng 3 anh L đã thực hiện xong việc đóng lãi số tiền 2.700.000 đồng.

- Kỳ lãi tháng 4 được anh L đóng vào ngày 18/3/2024, anh L chuyển khoản số tiền 2.700.000 đồng vào tài khoản 11023686868 của C.

- Kỳ lãi tháng 5 được anh L đóng vào ngày 18/4/2024, anh L chuyển khoản số tiền 2.700.000 đồng vào tài khoản 11023686868 của C.

- Kỳ lãi tháng 6: Đối với khoản vay thứ nhất được anh L đóng vào ngày 18/5/2024 anh L chuyển khoản số tiền 2.700.000 đồng vào tài khoản 11023686868 của C. Đối với khoản vay thứ hai do khi vay tiền, C đã cắt lãi trước 30 ngày đối với anh L nên kỳ lãi tháng 6 của khoản vay thứ hai, anh L đã đóng đủ 1.800.000 đồng cho C.

- Kỳ lãi tháng 7: Đối với khoản vay thứ nhất được anh L đóng vào ngày 18/6/2024 anh L đưa tiền mặt cho C số tiền 2.700.000 đồng. Đối với khoản vay thứ hai được anh L đóng vào ngày 07/6/2024, anh L chuyển khoản số tiền 1.800.000 đồng vào số tài khoản 11023686868 của C.

- Ngoài ra, anh L còn đóng trước kỳ lãi tháng 8 của khoản vay thứ 2 vào ngày 07/7/2024, anh L đã chuyển khoản số tiền 1.800.000 đồng vào số tài khoản 11023686868 của C.

Như vậy, tính đến ngày 09/7/2024, anh L đã đóng cho Vũ Như C tổng số tiền lãi là **18.900.000 đồng** (gồm kỳ lãi tháng 3,4,5,6,7 của khoản vay thứ nhất và kỳ lãi tháng 6,7,8 của khoản vay thứ 2), chưa trả tiền gốc.

Tại Công văn số 974/HAD-THKT ngày 01/8/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh D cung cấp phương pháp tính lãi như sau: Số tiền lãi = (Số dư thực tế x Số ngày duy trì số dư thực tế x Lãi suất tính lãi)/365. Lãi suất tính lãi được quy đổi theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm), một năm là 365 ngày. Đối với số tiền lãi ngày là 7.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay gốc/1 ngày vay thì lãi suất cho vay là 255,5%/năm; số tiền lãi ngày là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay gốc/1 ngày vay thì lãi suất cho vay là 109,5%/năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định mức lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Như vậy, đối với mức lãi suất 7.000 đồng/triệu/ngày cao gấp $255,5\%/20\% = 12,775$ lần so với mức lãi suất tối đa theo Bộ luật Dân sự quy định; mức lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày gấp $109,5\%/20\% = 5,475$ lần so với mức lãi suất tối đa theo Bộ luật Dân sự quy định.

Đối chiếu với quy định nêu trên xác định số tiền lãi Vũ Như C thu của người vay theo thỏa thuận là: anh Bùi Công C1: 6.300.000 đồng, anh Nhữ Văn H: 33.300.000 đồng, anh Vũ Văn H1: 12.960.000 đồng, anh Cao Văn L: 18.900.000 đồng (Tổng: 71.460.000 đồng). Trong đó: Số tiền lãi C được thu theo quy định của Bộ luật Dân sự: anh C1: 493.000 đồng, anh H: 6.083.000 đồng, anh H1: 2.367.000 đồng, anh L: 3.452.000 đồng (Tổng: 12.395.000 đồng). Số tiền C thu lời bất chính = Tổng số tiền lãi trong kỳ vay – số tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật Dân sự: $71.460.000 - 12.395.000 = 59.065.000$ đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 160/KL-KTHS ngày 31/8/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh D kết luận:

- Chữ viết, chữ số trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1 - Giấy vay tiền đứng tên Bùi Công C1) với chữ viết, chữ số của Bùi Công C1 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M4-M6) là do cùng một người viết ra.

- Trừ phần chữ viết “Người cho vay - C - Vũ Như C” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A2 - Giấy vay tiền đứng tên Nhữ Văn H). Còn lại chữ viết, chữ số trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A2) và phần chữ viết “H - Nhữ Văn H” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A3) với chữ viết, chữ số của Nhữ Văn H trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M7-M9) là cùng một người viết ra.

- Trừ phần chữ viết “H - Nhữ Văn H” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A3 - Giấy vay tiền đứng tên Nhữ Văn H). Còn lại chữ viết, chữ số trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A3) và chữ viết “Người cho vay - C - Vũ Như C” trên các

mẫu cần giám định (Ký hiệu A2, A4, A6) với chữ viết, chữ số của Vũ Như C trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1 - M3) là do cùng một người viết ra.

- Trừ phần chữ viết “Người cho vay – C – Vũ Như C” trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A4). Còn lại chữ viết, chữ số trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A4, A5 – Giấy vay tiền đứng tên Cao Văn L) với chữ viết, chữ số của Cao Văn L trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M10-M12) là do cùng một người viết ra.

- Trừ phần chữ viết “Người cho vay – C – Vũ Như C”. Còn lại chữ viết, chữ số trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A6 – Giấy vay tiền đứng tên Vũ Văn H1) với chữ viết, chữ số của Vũ Văn H1 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M13-M15) là do cùng một người viết ra.

Như vậy, các giấy vay tiền trên đều do chính những người vay tiền viết và ký tên xác nhận (trừ giấy vay tiền ngày 06/02/2024 đối với Nhữ Văn H là do C viết, anh H chỉ ký tên, họ tên); C chỉ ký tên, họ tên vào các giấy vay tiền của anh H1, anh H và giấy vay lần thứ nhất (ngày 17/02/2024) của anh L.

Tại bản cáo trạng số 37/VKS-HS ngày 16 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Vũ Như C về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều tự nguyện không yêu cầu bị cáo C phải trả khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo quy định pháp luật mà điều tự nguyện cho bị cáo C số tiền này.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh D thực hành quyền công tố, trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị HĐXX:

a. Về trách nhiệm hình sự

- **Về tội danh:** Bị cáo Vũ Như C phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS.

- **Về hình phạt:**

+ *Hình phạt chính:*

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Vũ Như C: Phạt tiền từ 90 triệu đến 110 triệu đồng.

+ *Hình phạt bổ sung:* Bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

b. Xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS;

- Tịch thu tiêu hủy 01 quyển vở ghi, 01 chiếc bút bi màu xanh là tài sản của Vũ Như C sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 12 màu xanh là tài sản của Vũ Như C sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội

Tịch thu, tiêu hủy 01 thẻ sim số 0368.229.991 và yêu cầu cơ quan Viễn thông thu hồi số điện thoại nêu trên.

- Đối với số tiền lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%) là 10.739.726 đồng là tiền phát sinh từ tội phạm cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Trong đó: Tịch thu số tiền 6.445.376 đồng từ tài khoản của bị cáo đã bị phong tỏa; buộc bị cáo C phải tiếp tục nộp số tiền còn lại là 4.294.350 đồng.

- Số tiền thu lời bất chính là 51.660.274 đồng bị cáo C đã thu của anh Bùi Công C1 (5.806.849 đồng), anh Nhữ Văn H (25.501.370 đồng), anh Vũ Văn H1 (4.904.110 đồng), anh Cao Văn L (15.447.945 đồng) cần trả lại cho anh C1, anh H, anh H1, anh L nhưng các anh C1, H, H1, L tự nguyện cho lại bị cáo C nên chấp nhận sự tự nguyện này, không buộc C phải trả lại số tiền thu lợi bất chính của các anh C1, H, H1, L.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền gốc là 30.000.000 đồng của anh C1 vay của C. Trong đó: Tịch thu số tiền 14.384.481 đồng từ tài khoản của anh C1 đã bị phong tỏa; buộc anh C1 phải tiếp tục nộp số tiền còn lại là 15.615.519 đồng vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền gốc là 70.000.000 đồng của anh H vay của C. Trong đó: Tịch thu số tiền 17.960.628 đồng từ tài khoản của anh H đã bị phong tỏa; buộc anh H phải tiếp tục nộp số tiền còn lại là 52.039.372 đồng vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền gốc là 30.000.000 đồng của anh H1 vay của C. Trong đó: Tịch thu số tiền 12.438.385 đồng từ tài khoản của anh H1 đã bị phong tỏa; buộc anh H1 phải tiếp tục nộp số tiền còn lại là 17.561.615 đồng vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền gốc là 50.000.000 đồng của anh L vay của C. Trong đó: Tịch thu số tiền 2.813.605 đồng từ tài khoản của anh L đã bị phong tỏa; buộc anh L phải tiếp tục nộp số tiền còn lại là 47.186.395 đồng vào ngân sách nhà nước.

Tiếp tục duy trì các lệnh phong tỏa tài khoản số 01, 02, 03, 04, 05 ngày 14/11/2024 của VKSND huyện T để đảm bảo thi hành án.

d. Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí số 97; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

Bị cáo Vũ Như C thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/02/2024 đến ngày 09/7/2024, Vũ Như C có hành vi cho anh Bùi Công C1 – sinh năm 2001 ở thôn X, xã M, huyện T vay số tiền 30.000.000 đồng; anh Nhữ Văn H - sinh năm 1993 ở thôn S, xã Q, huyện T vay số tiền 70.000.000 đồng; anh Vũ Văn H1 – sinh năm 1994 ở thôn S, xã Q, huyện T vay số tiền 30.000.000 đồng và anh Cao Văn L - sinh năm 2000 ở khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh D vay số tiền 50.000.000 đồng với mức lãi suất gấp từ 5,475 đến 12,775 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, để thu lợi bất chính tổng số tiền 59.065.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế do pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội, nhưng vẫn thực hiện hành vi trên là có lỗi cố ý. Do đó, bị cáo đã phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. VKSND huyện T truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Khi xem xét, quyết định hình phạt, HĐXX thấy:

Bị cáo Vũ Như C có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, chưa vi phạm hành chính lần nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được H tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, HĐXX thấy cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với quy định tại Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì đã áp dụng là hình phạt chính.

[5] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%) mà các đối tượng đã trả cho C (Nhữ Văn H, Vũ Văn H1 trả tiền lãi cho C thiếu so với thỏa thuận, cụ thể H trả thiếu 2.100.000đồng, H1 trả thiếu 6.960.000đồng; còn C1, L đã trả đủ theo thỏa thuận), như vậy số tiền lãi với mức lãi suất cao nhất mà BLDS quy định (20%/năm) và số tiền thu lợi bất chính C thu được theo bảng thống kê như sau:

STT	Họ và tên người vay và lần vay	Số tiền vay gốc (VNĐ)	Lãi suất cho vay (%/năm)	số ngày tính lãi	Số tiền lãi thực tế mà C đã thu của người vay	Số tiền lãi với mức lãi suất cao nhất mà BLDS quy định (20%/năm) thực tế C đã thu (VNĐ)	Số tiền thu lợi bất chính thực tế
1	Bùi Công C1	30.000.000	255.50	30	6.300.000	493.150,68	5.806.849,32
2	Nhữ Văn H vay lần 1	50.000.000	109.50	160	22.500.000	4.109.589	18.390.411
3	Nhữ Văn H vay lần 2	20.000.000	109.50	155	8.700.000	1.589.041,1	7.110.958,9
4	Vũ	30.000.000	109.50	144	6.000.000	1.095.890,41	4.904.109,59

	Văn H1						
5	Cao Văn L vay lần 1	30.000.000	109.50	150	13.500.000	2.465.753,42	11.034.246,58
6	Cao Văn L vay lần 2	20.000.000	109.50	90	5.400.000	986.301,37	4.413.698,63
	Tổng (VNĐ)	180.000.000			62.400.000	10.739.726	51.660.274

Xét thấy số tiền lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%) mà các đối tượng đã trả cho C là 10.739.726 đồng là tiền phát sinh từ tội phạm cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Trong đó: Tịch thu số tiền 6.445.376 đồng từ tài khoản của bị cáo đã bị phong tỏa; buộc bị cáo C phải tiếp tục nộp số tiền còn lại là 4.294.350 đồng.

- Số tiền thu lời bất chính C đã thu được của C1, H, L, H1 tổng là 51.660.274 đồng bị cáo C đã thu của anh Bùi Công C1 (5.806.849đồng), anh Nhữ Văn H (25.501.370đồng), anh Vũ Văn H1 (4.904.110đồng), anh Cao Văn L (15.447.945đồng) cần trả lại cho anh C1, anh H, anh H1, anh L nhưng các anh C1, H, H1, L tự nguyện cho lại bị cáo C nên chấp nhận sự tự nguyện này, không buộc C phải trả lại số tiền thu lợi bất chính của các anh C1, H, H1, L.

- Số tiền gốc bị cáo đã sử dụng để cho vay (công cụ phạm tội), hiện các anh C1, H, H1, L chưa trả, do đó buộc các anh C1, H, H1, L nộp lại số tiền này vào ngân sách nhà nước. Cụ thể:

Truy thu của anh C1 số tiền gốc đã vay của C là 30.000.000 đồng, trong đó tịch thu từ tài khoản 030094484649 của C1 là 14.384.481 đồng, buộc C1 phải tiếp tục nộp số tiền 15.615.519 đồng vào ngân sách nhà nước.

Truy thu lại của anh H số tiền gốc đã vay của C là 70.000.000đồng, trong đó tịch thu từ tài khoản 19035068941015 của H là 17.960.628 đồng, buộc H phải tiếp tục nộp số tiền 52.039.372 đồng vào ngân sách nhà nước.

Truy thu lại của anh H1 số tiền gốc đã vay của C là 30.000.000đồng, trong đó tịch thu từ tài khoản 19071787247011 của H1 là 12.438.385 đồng, buộc H1 phải tiếp tục nộp số tiền 17.561.615 đồng vào ngân sách nhà nước.

Truy thu lại của anh L số tiền gốc đã vay của C là 50.000.000đồng, trong đó tịch thu từ tài khoản 030066286777 của L là 2.813.605 đồng, buộc L phải tiếp tục nộp số tiền 47.186.395 đồng vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 quyển vở ghi, 01 chiếc bút bi màu xanh là tài sản của Vũ Như C sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại Iphone 12 màu xanh là tài sản của Vũ Như C sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước

Đối với số thuê bao 0368.229.991 C sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội mang tên anh Nguyễn Văn Chuẩn; anh Chuẩn xác định số thuê bao trên bị cáo C đã sử dụng nhiều năm và thuộc sở hữu của bị cáo C, anh Chuẩn không có yêu cầu đề nghị gì về số sim thuê bao này. Do đó, cần tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim số 0368.229.991 và yêu cầu cơ quan Viễn thông thu hồi số điện thoại nêu trên là có căn cứ.

Chấp nhận sự tự nguyện của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo C phải trả lại khoản tiền lãi cao hơn mức lãi suất theo quy định pháp luật mà tự nguyện cho bị cáo C số tiền này.

[6] Đối với anh Nguyễn Văn Chuẩn - sinh năm 2001 ở thôn Cự Trì, xã N, huyện T, tỉnh D đứng tên đăng ký số thuê bao 0368.229.991 (bị cáo C sử dụng) nhưng không biết việc C sử dụng vào thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo C bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Nghị quyết số 01 ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án Hình sự về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí Tòa án.

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Vũ Như C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. *Về hình phạt chính:* Phạt tiền bị cáo Vũ Như C số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

3. *Về hình phạt bổ sung:* Không

4. *Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:*

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: Số tiền 6.445.376 đồng trong tài khoản số 030078335919 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank) của bị cáo Vũ Như C, số tiền 2.813.605 đồng trong tài khoản số 030066286777 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank) của anh Cao Văn L, số tiền 14.384.481 đồng trong tài sản số 030094484649 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank) của anh Bùi Công C1, số tiền 17.960.628 đồng trong tài khoản số 19035068941015 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) của anh Nhữ Văn H, số tiền 12.438.385 đồng trong tài khoản số 19071787247011 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) của anh Vũ Văn H1. Tiếp tục duy trì các lệnh phong tỏa tài khoản số 01, 02, 03, 04, 05 ngày 14/11/2024 của VKSND huyện T để đảm bảo thi hành án.

Truy thu: của bị cáo Vũ Như C số tiền 4.294.350 đồng, của anh Bùi Công C1 số tiền 15.615.519 đồng, của anh Nhữ Văn H số tiền 52.039.372 đồng, của anh Vũ Văn H1 số tiền 17.561.615 đồng và của anh Cao Văn L số tiền 47.186.395 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 quyển vở ghi, 01 chiếc bút bi màu xanh, 01 thẻ sim (vật lý) số 0368.229.991.

Tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 12 màu xanh của bị cáo Vũ Như C.

Yêu cầu Tổng Công ty Viễn thông Viettel tiến hành thu hồi số thuê bao 0368.229.991.

Vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh D.

(Tình trạng vật chứng như trong Biên bản về việc giao, nhận vật chứng ngày 28/11/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh D).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Vũ Như C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh D;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- CQCSĐT-Công an huyện T;
- Bộ phận HSNV-CA huyện T;
- CQTHAHS-Công an tỉnh D;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư Pháp tỉnh D;
- Tổng công ty Viễn thông Viettel;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhàn